jí zhe yòng ma
师傅:急着 用 吗?

xiàn zài méi shén me shì. bù gùo, xià wǔ sì diǎn wǒ ~~dé~~ děi chū qù yī tàng.
飞龙:现 在 没 什 么 事. 不 过, 下 午四 点 我 得 出 去 一 趟.

xíng, nǐ sì diǎn zhī qián lái ba, dān wù bù ~~le~~ liao
师傅:行, 你 四 点 之 前 来 吧, 耽 误 不 了.

tài hǎo le. má fán nín shùn biàn bāng wǒ diào yī xià zhá.
飞龙:太 好 了 . 麻 烦 您 顺 便 帮 我 调 一 下 闸.

nǐ zhè hòu zhá shì děi xīu le, yī diǎn er yě bù líng le
师傅:你 这 后 闸 是 得 修 了, 一 点 儿 也 不灵 了.

běi jīng de fú wù háng yè zhè xiē nián fā zhǎn hěn kuài, jìng zhēng dé yě hěn lì hài
北 京 的 服 务 行 业 这 些 年 发 展 很 快, 竞 争 得 也 很 厉 害.
bù gùo, lǎo bǎi xìng de shēng húo dí què fāng biàn dūo le.
不 过, 老 百 姓 的 生 活 的 确 方 便 多 了.
jìu ná chī fàn lái shūo ba, yǒu gāo dàng de dà jǐu diàn, yě yǒu zhōng dī dàng de fàn diàn.
就 拿 吃 饭 来 说 吧, 有 高 档 的 大 酒 店, 也 有 中 低 档 的 饭 店.
rú gǔo nǐ yuàn yì de huà, yǒu shí hái kě yǐ huā jǐ kuài qián zài lù biān de xiǎo fàn guǎn chī fàn, jì pián yí yòu fāng biàn.
如 果 你 愿 意 的 话, 有 时 还 可 以 花 几 块 钱 在 路 边 的 小 饭 馆 吃 饭, 既 便 宜 又 方 便.
bù gùo, nǐ qiān wàn yào xiǎo xīn, yǒu de xiǎo fàn guǎn wèi shēng tiáo jiàn bù tài hǎo, yào shì chī huài le dù zǐ, nà jìu zāo lā.
不 过, 你 千 万 要 小 心, 有 的 小 饭 馆 卫 生 条 件 不 太 好, 要 是 吃 坏 了 肚 子,那 就 糟 啦.
nǐ shūo shì bù shì?
你 说 是 不 是?